TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 7 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Lê Văn Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số D ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Hà Phước Đ, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2024 của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị T và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đều trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T và ông Hà Phước Đ có tổ chức tiệc cưới vào năm 2002, đến năm 2003 mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/5/2003. Sau khi kết hôn ông bà sống tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu chung sống vợ chồng sống rất vui vẻ, hạnh phúc, nhưng thời gian về sau giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, bà không còn tình cảm yêu thương ông Đ nữa do đó bà muốn kết thúc mối quan hệ hôn nhân này.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 02 người con chung là cháu Hà Huỳnh Tường V, sinh ngày 25/02/2013 và cháu Hà Huỳnh Anh T1, sinh ngày 15/10/2020. Hiện các con đang sống chung với ông bà, nhưng bà là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chăm lo việc học của các con.

Tại phiên tòa bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hà Phước Đ.

Về con chung: Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Huỳnh Tường V, sinh ngày 25/02/2013 và cháu Hà Huỳnh Anh T1, sinh ngày 15/10/2020 và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn ông Hà Phước Đ: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của bà Huỳnh Thị T tại Thông báo thụ lý vụ án số: 16/TB-TLVA, ngày 22 tháng 01 năm 2024 và đã tống đạt hợp lệ cho ông Hà Phước Đ, cũng như đã triệu tập hợp lệ ông Hà Phước Đ đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông. Nhưng ông Đ không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà T và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông Đ cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát

nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị T thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn là ông Hà Phước Đ vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T, về việc yêu cầu xin ly hôn với ông Hà Phước Đ và yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Huỳnh Tường V (nữ) sinh ngày 25/02/2013 và cháu Hà Huỳnh Anh T1 (nam) sinh ngày 15/10/2020 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Nhận thấy các yêu cầu nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, về tài sản chung bà Thao t trình bày là tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung bà Thao t trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 10 tháng 01 năm 2024 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị T lập ngày 04 tháng 01 năm 2024 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn T nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn T và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 04 tháng 01 năm 2024, nguyên đơn Thao yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung khi ly hôn với bị đơn là ông Hà Phước Đ, sinh năm 1973 có địa chỉ tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Được vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn Thao yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Được. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Được theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự

nguyện, không ai ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/5/2003, nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hợp pháp. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*". Như vậy, bà T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi kết hôn, bà T và ông Đ cũng có thời gian dài chung sống hạnh phúc bên nhau từ năm 2002 đến tháng 5/2017. Tuy nhiên, từ tháng 5/2017, hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, không tôn trọng, quan tâm chia sẻ, tuy ông bà vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai người đó sống và không quan tâm chăm sóc nhau. Tại phiên tòa nguyên đơn T kiên quyết ly hôn với bị đơn Được vì không còn tình cảm yêu thương bị đơn Được. Như vậy, bà T và ông Đ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*". Do đó, yêu cầu xin ly hôn của T là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T ly hôn với ông Đ.

[6] Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Huỳnh Tường V, (nữ) sinh ngày 25 tháng 02 năm 2013, cháu Hà Huỳnh Anh T1, (nam) sinh ngày 15 tháng 10 năm 2020 cho đến khi cháu V và cháu T1 đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi bà T và ông Đ sống ly thân cho đến nay cháu V và cháu T1 đều do bà T trực tiếp chăm sóc, cuộc sống của các cháu đang ổn định, tâm lý về mọi mặt được đảm bảo và các cháu hiện tại cũng được bà T cho các cháu đi học đầy đủ. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến của V thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Riêng bị đơn Được từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và đến tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn không có văn bản hay bất ý kiến gì đối với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu V và cháu T1. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*" chấp nhận yêu cầu của bà T giao cháu V và cháu T1 cho bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V và cháu T1 đủ 18 tuổi.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng*

nuôi con". Đáng lẽ ra, ông Đ là người không trực tiếp nuôi cháu V và cháu T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V và cháu T1, nhưng tại phiên tòa bà T trình bày hiện tại bà có việc làm ổn định và thu nhập trên 20.000.000 đồng một tháng đủ để lo cho cháu V và cháu T1. Vì vậy, bà T không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi cháu V và cháu T1. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Ngoài ra, Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 còn quy định: "*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở*". Như vậy, ông Đ là người không trực tiếp nuôi con nên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[9] Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị T tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà Thao t khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 3 Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị T và ông Hà Phước Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Hà Huỳnh Tường V (nữ, sinh ngày 25/02/2013) và

cháu Hà Huỳnh Anh T1 (nam, sinh ngày 15/10/2020) hiện đang sống chung với bà T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V và cháu T1 đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề này ra để xem xét.

2.3. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở ông Đ thực hiện quyền này, theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

3. Về tài sản chung: Bà Thao tự trình bày, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà Thao t khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu là 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000756 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Bà T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành, TST;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Phú, H. Đức Hòa, T. Long An;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ